

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật tại Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược Phú Yên

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Đoàn thẩm định Sở Y tế tại Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược Phú Yên được lập ngày 23/6/2025; Biên bản cuộc họp ngày 24/6/2025 và đề nghị của Hội đồng tư vấn cấp Chứng chỉ hành nghề Dược và Giấy phép hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung 134 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược Phú Yên (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược Phú Yên có trách nhiệm đảm bảo về tổ chức, cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt đúng quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- TT KSBT (đăng trang TTĐT SYT);
- Lưu: VT, NVYD (K).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Tĩnh

Phụ lục:
DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN VIỆT MỸ PHÚ
YÊN THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y
tế tỉnh Phú Yên)

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
1	2.160	02. NỘI KHOA	Kỹ thuật (Test) chẩn đoán chết não bằng điện não đồ
2	3.29	03. NHI KHOA	Nhĩ châm
3	3.674	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn
4	3.708	03. NHI KHOA	Siêu âm điều trị
5	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
6	8.4	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Nhĩ châm
7	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
8	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
9	8.24	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
10	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bó thuốc
11	10.4	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương
12	10.9	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên
13	10.10	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
14	10.11	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất
15	10.13	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán
16	10.15	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)
17	10.35	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy
18	10.38	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
19	10.130	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị giảm đau trong ung thư
20	10.148	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên
21	10.149	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
22	10.517	10. NGOẠI KHOA	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
23	10.638	10. NGOẠI KHOA	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
24	10.851	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay
25	10.862	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm mồm cụt ngón và đốt bàn ngón
26	10.928	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương
27	10.930	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần
28	10.1036	10. NGOẠI KHOA	Buộc vòng cố định C ₁ -C ₂ lõi sau
29	10.1039	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
30	10.1041	10. NGOẠI KHOA	Cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ
31	10.1048	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước
32	10.1053	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực
33	10.1077	10. NGOẠI KHOA	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng
34	10.1078	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
35	10.1099	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng
36	10.1100	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng
37	10.1101	10. NGOẠI KHOA	Mở cung sau và cắt bỏ móm khớp dưới
38	10.1102	10. NGOẠI KHOA	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
39	10.1103	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc
40	BS_10.1277	10. NGOẠI KHOA	Tạo hình đặt stent và bơm xi măng điều trị xẹp đốt sống
41	BS_10.1434	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trượt thân đốt sống có sử dụng nẹp vít và ghép xương tự thân
42	BS_10.1435	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trượt thân đốt sống có sử dụng nẹp vít và không ghép xương
43	BS_10.1436	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trượt thân đốt sống có sử dụng nẹp vít và thay đĩa đệm nhân tạo
44	BS_10.1437	10. NGOẠI KHOA	Phong bế mặt khớp
45	11.36	11. BÔNG	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn (từ 5% - <

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
			10% DTCT)
46	11.38	11. BÔNG	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em (từ 3% - < 5% DTCT)
47	11.39	11. BÔNG	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn
48	11.40	11. BÔNG	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn (từ 5% - < 10% DTCT)
49	11.41	11. BÔNG	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
50	11.42	11. BÔNG	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em (từ 3% - < 5% DTCT)
51	11.60	11. BÔNG	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf-krause $\geq$ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
52	11.61	11. BÔNG	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf-krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
53	11.62	11. BÔNG	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf-krause $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu
54	11.63	11. BÔNG	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf-krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu
55	11.65	11. BÔNG	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
56	11.66	11. BÔNG	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
57	11.67	11. BÔNG	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
58	11.68	11. BÔNG	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu
59	11.69	11. BÔNG	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu
60	11.73	11. BÔNG	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu
61	11.74	11. BÔNG	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu
62	11.91	11. BÔNG	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng/ 8h

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
63	11.104	11. BÔNG	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình
64	11.105	11. BÔNG	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf-krause
65	11.109	11. BÔNG	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị sẹo bông
66	11.115	11. BÔNG	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bông
67	11.118	11. BÔNG	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính
68	14.242	14. MẮT	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
69	14.243	14. MẮT	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
70	14.195	14. MẮT	Tiêm nội nhãn
71	17.16	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
72	23.241	23. HÓA SINH	Nồng độ rượu trong máu
73	27.144	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
74	27.145	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
75	27.147	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
76	27.166	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
77	27.167	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
78	27.168	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
79	27.169	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
80	27.179	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hỗng tràng ra da
81	27.18	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da
82	27.181	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
83	27.183	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng
84	27.185	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
85	27.19	27. PHẪU THUẬT NỘI	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
		SOI	trong ổ bụng
86	27.192	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
87	27.193	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
88	27.197	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
89	27.199	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
90	27.201	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
91	27.205	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
92	27.206	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
93	27.207	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
94	27.208	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
95	27.208b	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
96	27.209	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo
97	27.21	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang
98	27.211	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng
99	27.212	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
100	27.214	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
101	27.215	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
102	27.217	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
103	27.221	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tăng sinh môn
104	27.223	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
105	27.228	27. PHẪU THUẬT NỘI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng +

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
		SOI	hậu môn nhân tạo
106	27.233	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng
107	27.234	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng
108	27.235	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng
109	27.26	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
110	27.263	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan
111	27.265	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
112	27.267	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
113	27.298	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt lách
114	27.313	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)
115	27.332	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
116	27.334	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)
117	27.335	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng
118	27.336	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở
119	27.337	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm
120	27.367	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản
121	27.372	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
122	27.378	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi nông niệu quản hẹp
123	27.379	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản
124	27.38	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
125	27.392	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
		SOI	bụng
126	27.398	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính
127	27.408	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi tán sỏi niệu đạo
128	27.412	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
129	27.461	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm
130	27.463	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối
131	28.32	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử
132	28.355	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay
133	28.358	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm
134	28.407	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa

Tổng số Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh: 134